

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:39/2009/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 11 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2010
và danh mục công trình trọng điểm của tỉnh sử dụng vốn ngân sách**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2010;

Xét Tờ trình số 3446/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2009, Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh về Tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch kích cầu đầu tư năm 2009 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2010 đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2010 và danh mục các công trình trọng điểm của tỉnh sử dụng vốn ngân sách với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn ngân sách đầu tư địa phương quản lý: 1.035.033 triệu đồng

Bao gồm:

- | | |
|--|--------------------|
| a) Vốn cân đối ngân sách địa phương: | 168.500 triệu đồng |
| Trong đó: | |
| - Vốn ngân sách cân đối: | 98.500 triệu đồng |
| - Vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất: | 70.000 triệu đồng |
| b) Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: | 526.000 triệu đồng |
| c) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: | 190.533 triệu đồng |
| d) Vốn nước ngoài: | 150.000 triệu đồng |

2. Danh mục các chương trình, dự án đầu tư phát triển, vốn đầu tư phân bổ cho từng công trình, dự án và cân đối ngân sách cho các huyện, thành phố, thị xã theo các biểu Phụ lục đính kèm.

3. Các huyện, thành phố, thị xã thực hiện phân bổ vốn theo đúng nguyên tắc cân đối chung của tỉnh với thứ tự ưu tiên: Bố trí vốn trả nợ khối lượng XDCB hoàn thành từ năm 2009 trở về trước; vốn đối ứng, vốn cho các công trình hoàn thành trong năm

2010; phần còn lại mới bố trí cho các công trình dở dang và các công trình khởi công mới; không bố trí danh mục dự án khởi công mới khi chưa tìm được nguồn vốn, khi chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư.

4. Danh mục các dự án trọng điểm hoàn thành và khởi công chào mừng Đại hội Đảng:

Các dự án chuyển tiếp:

- Cầu Cửa Việt;
- Quảng trường và Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh;
- Kết cấu hạ tầng thành phố Đông Hà;
- Quy hoạch và xây dựng CSHT Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

Các dự án khởi công mới:

- Cầu sông Hiếu;
- Công trình thủy lợi Đá Mài - Tân Kim;
- Đường cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ vùng trũng Hải Lăng;
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh,

Điều 2. Các giải pháp chủ yếu:

1. Thực hiện đầu tư, bố trí vốn và quản lý đầu tư phải theo đúng quy hoạch được duyệt. Các ngành, các cấp phải tập trung xây dựng, điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội, quy hoạch phát triển các ngành nhằm định hướng đầu tư phát triển, tạo sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

2. Các chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, nhất là về tiến độ xây dựng, chất lượng và hiệu quả công trình, xử lý nghiêm các chủ đầu tư, ban quản lý dự án có 2 năm liên (2008 và 2009) có công trình giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn đã bố trí theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành.

3. Những công trình đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2010 giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn đã bố trí sẽ điều chuyển vốn cho các công trình có tiến độ giải ngân vốn tốt và đang thiếu vốn. Chủ đầu tư có hai năm liên giải ngân vốn dưới 50% thì chuyển cho ban quản lý khác thực hiện hoặc thay thế người đứng đầu chủ đầu tư và Trưởng ban quản lý dự án. Không xem xét thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị chủ đầu tư và người đứng đầu đơn vị đó nếu có công trình giải ngân dưới 80% kế hoạch vốn đã bố trí.

4. Các Sở, Ban, ngành được giao làm chủ đầu tư hoặc quản lý các chương trình, dự án phải thông báo danh mục dự án, vốn đầu tư các dự án đến UBND huyện, thành phố, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án. Các huyện, thành phố, thị xã phải có bộ phận theo dõi, tổng hợp các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn; và chủ trì lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn để sử dụng vốn có hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư chồng chéo, lãng phí vốn đầu tư.

5. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, quyết toán công trình, cấp phát vốn đầu tư, giải phóng mặt bằng... phải nâng cao năng lực tổ chức thực hiện để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

6. Các cấp ngân sách chủ động bố trí kinh phí chuẩn bị đầu tư cho các dự án để đảm bảo thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản cho kế hoạch năm tiếp theo. Các chủ đầu tư phải đẩy nhanh tiến độ xây dựng và giải ngân vốn XDCB nhằm tranh thủ nguồn vốn Trung ương bổ sung và nguồn vốn cho ứng trước kế hoạch đồng thời tích cực, chủ động huy động các nguồn vốn để đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư xây dựng các công trình.

7. Phát huy vai trò của chính quyền cơ sở, của cộng đồng người hưởng lợi trong việc đề xuất nhu cầu đầu tư, giám sát đầu tư. Phát huy vai trò giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Chủ đầu tư phải tuân thủ các quy định công khai các thông tin về dự án để người dân biết và giám sát việc thực hiện. Gắn chặt trách nhiệm của chính quyền cơ sở, của cộng đồng người hưởng lợi trong việc đầu tư, quản lý, sử dụng, bảo vệ và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ dân sinh; đảm bảo nâng cao tuổi thọ và hiệu quả sử dụng các công trình. Tăng cường vai trò giám sát của HĐND trong quá trình lập, phê duyệt và triển khai các dự án đầu tư.

8. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong các khâu có liên quan đến đầu tư. Công bố công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục liên quan đến đầu tư; đơn giản hóa các thủ tục hành chính và tạo thuận lợi, giảm thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư. Đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đầu tư.

9. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng trường học; bệnh viện; công trình thể thao; bảo tồn, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử gắn với phát triển các điểm tham quan, du lịch.

10. Trước mắt, chưa thực hiện chủ trương xây dựng hợp khối trụ sở các ban quản lý, các cơ quan hành chính theo Nghị quyết số 6.1/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2005 của HĐND tỉnh; giao UBND tỉnh bố trí vốn xây dựng mới trụ sở cho các cơ quan hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh tùy theo khả năng ngân sách hàng năm của tỉnh theo lộ trình xây dựng trụ sở làm việc giai đoạn 2006 - 2010 tại Nghị quyết số 7.4/2006/NQ-HĐND 22 tháng 7 năm 2006 của HĐND tỉnh, đồng thời rà soát để bố trí trụ sở làm việc cho các cơ quan, đơn vị này tại các cơ sở, tài sản công đang có của tỉnh.

Điều 3. Giao UBND tỉnh quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2010 cho từng chương trình, dự án và cho từng huyện, thành phố, thị xã. Chủ động vận động thu hút nguồn lực để tiếp tục bổ sung cân đối cho các nhu cầu đầu tư phát triển.

Điều 4. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2009 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH
Lê Hữu Phúc

Biểu 1:

BỐ TRÍ NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH NĂM 2010
(Kèm theo Nghị quyết số 39/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh)

	TỔNG SỐ	168.500	Triệu đồng	
a)	Nguồn cân đối ngân sách địa phương:	98.500	Triệu đồng	
b)	Nguồn thu từ quỹ đất	70.000	Triệu đồng	
	BỐ TRÍ	168.500	Triệu đồng	
a)	Nguồn vốn ngân sách cân đối:	98.500	Triệu đồng	
-	Trả nợ vay KCHKM và GTNT:	25.750	Triệu đồng	
-	Nguồn vốn phân bổ:	72.750	Triệu đồng	
+	Vốn tỉnh quản lý (60%):	43.650	Triệu đồng	Trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% vốn đầu tư xây dựng trụ sở Huyện ủy, UBND huyện
+	Vốn phân cấp huyện thị (40%):	29.100	Triệu đồng	
b)	Nguồn thu từ quỹ đất	70.000	Triệu đồng	
-	Vốn tỉnh quản lý:	42.000	Triệu đồng	
-	Phân cấp huyện thị:	28.000	Triệu đồng	

Biểu 1a:**BỐ TRÍ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ**

(Kèm theo Nghị quyết số 39/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH năm 2010	Ghi chú
	Tổng số		85.650	
I	NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		43.650	
1	Chuẩn bị đầu tư		3.000	
2	Công trình quyết toán		3.000	
3	Giáo dục - Đào tạo		8.050	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Giảng đường trường Trung học Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trường TH NN&PTNT	1.500	HT
-	Nhà khảo thí thuộc Sở Giáo dục- Đào tạo	Sở GD-ĐT	1.000	HT
-	Nhà hiệu bộ, cải tạo thư viện và một số hạng mục phụ trợ trường Chính trị Lê Duẩn	Trường Chính trị Lê Duẩn	2.000	DA tạm dừng theo QĐ 390/QĐ-TTg
-	Hỗ trợ đối ứng Chương trình KCH trường, lớp học		3.050	Yêu cầu đối ứng 20 tỷ đồng trong 4 năm 2009-2012. Năm 2009 bố trí 04 tỷ đồng
	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	450	
	Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	350	
	Huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	400	
	Huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	450	
	Huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	400	
	Huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	350	
	Huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	450	

	Thị xã Quảng Trị	UBND TX. Quảng Trị	200	
	Dự án khởi công mới			
-	Mở rộng khuôn viên trường PTTH chuyên Lê Quý Đôn	Sở GD-ĐT	500	GPMB
4	Khoa học công nghệ		2.100	(Đã bố trí từ nguồn hạ tầng cửa khẩu 6,5 tỷ)
	Dự án chuyển tiếp			
-	Trung tâm Kỹ thuật đo lường, thử nghiệm	Chi cục Đo lường CL	200	Trả nợ HT
-	Dự án Tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Trị	VP. Tỉnh ủy	1.900	Vốn ĐTPT ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện đề án 06: 3184 triệu đồng
5	Y tế - Xã hội		3.000	
-	Sàn Giao dịch việc làm và Trung tâm Bồi dưỡng kỹ năng tìm kiếm việc làm	TT. Giới thiệu việc làm	1.000	
-	Hỗ trợ thực hiện Đề án y tế cơ sở (NQ2d)	Các huyện, TP, TX	2.000	
	Trạm y tế xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	500	
	Trạm y tế xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	500	
	Trạm y tế xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	500	
	Trạm y tế xã Gio Sơn, huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	500	
6	Văn hóa - Thông tin - TDTT		4.000	
-	Nhà làm việc, tập luyện và biểu diễn của Đoàn nghệ thuật tổng hợp tỉnh (Gđ1)	Đoàn NTTH tỉnh	2.000	HT. Công trình tạm đình hoãn theo quyết định 390/QĐ-TTg
-	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa làng xã (Theo NQ HĐND tỉnh)	Các huyện, TP, TX	2.000	
	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	280	
	Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	240	

	Huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	240	
	Huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	280	
	Huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	280	
	Huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	280	
	Thành phố Đông Hà	UBND TP. Đông Hà	240	
	Thị xã Quảng Trị	UBND TX. Quảng Trị	160	
7	Nông nghiệp		2.500	
-	Dự án Di dân ra khỏi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh	UBND huyện Gio Linh	1.500	
-	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới kè Hậu Kiên	Sở NN&PTNT	1.000	Trả nợ HT
8	Giao thông		2.000	
	<i>Dự án hoàn thành</i>			
-	Bến xe Trung tâm Thành phố Đông Hà	Sở GT-VT	1.000	Trả nợ HT
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Đường Trường Chinh – Thành phố Đông Hà (Đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	BQL XD CSHT tỉnh	1.000	HT
9	Quản lý nhà nước		16.000	
	<i>Dự án hoàn thành</i>			
-	Trụ sở Sở Tài nguyên- Môi trường	Sở TN-MT	1.000	HT.
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Quy hoạch mở rộng và đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị	VP Tỉnh ủy	3.000	Hoàn thành Nhà lưu trữ
-	Trụ sở Sở Tài chính	Sở Tài chính	2.000	
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	Trụ sở HĐND tỉnh	BQL XD CSHT tỉnh	2.000	
-	Trụ sở Chi cục Thú y	Chi cục Thú y tỉnh	1.000	Tiền đầu giá trị sở cũ

-	Cải tạo trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.000	
-	Trụ sở Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	1.000	
-	Trụ sở Báo Quảng Trị và Hội Nhà báo Quảng Trị	Báo Quảng Trị	1.000	
-	Sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Sở VH-TT &DL	550	Trụ sở Công ty cao su cũ
-	Sửa chữa trụ sở Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	250	Trụ sở Sở VH-TT&DL cũ
-	Nâng cấp trụ sở làm việc Liên minh HTX và Doanh nghiệp ngoài quốc doanh tỉnh	Liên minh HTX và DNNQD tỉnh	200	Phòng đào tạo DA dạy nghề
-	Hỗ trợ hội trường huyện ủy Triệu Phong	VP Huyện ủy Triệu Phong	1.000	+ Vốn NS phân cấp cho huyện
-	Hỗ trợ hội trường huyện ủy Hải Lăng	Huyện ủy Hải Lăng	1.000	+ Vốn NS phân cấp cho huyện
-	Hỗ trợ trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	1.000	+ Vốn NS phân cấp cho huyện
II	VỐN GIAO TỪ NGUỒN THU TIỀN ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		42.000	
1	Ban Quản lý các Khu Du lịch	BQL Khu Du lịch	7.000	
-	Hạ tầng kỹ thuật công viên bãi tắm Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt	BQL Khu Du lịch		
+	Đường dạo ngoài kết hợp kè dọc bờ biển	BQL Khu Du lịch	5.000	
+	Hệ thống cấp điện và điện chiếu sáng	BQL Khu Du lịch	2.000	
2	Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng tỉnh	BQL XD CSHT tỉnh	35.000	
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Đô thị phía Nam đường 9D, thị xã Đông Hà	BQL XD CSHT tỉnh	10.500	
-	Xây dựng HTKT Khu Tái định cư cho các hộ dân bị di dời khi xây dựng các công trình trên địa bàn thị xã Đông Hà	BQL XD CSHT tỉnh	7.000	
-	Nhà Thi đấu đa năng tỉnh Quảng Trị	BQL XD CSHT tỉnh	7.000	
-	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước khu dân cư thuộc Khu Đô thị Nam Đông Hà GD2	BQL XD CSHT tỉnh	7.000	
-	Đường Trường Chinh (Đoạn phía Tây bể bơi - Hùng Vương)	BQL XD CSHT tỉnh	1.500	
-	Đường Trần Bình Trọng - Thành phố Đông Hà	BQL XD CSHT tỉnh	2.000	

Biểu 1b:**BỐ TRÍ VỐN PHÂN CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ
QUẢN LÝ NĂM 2010***(Kèm theo Nghị quyết số 39/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Tổng số	Trong đó:	
			Vốn ngân sách tỉnh cân đối	Vốn từ thu tiền sử dụng đất
	Tổng số	57.100	29.100	28.000
1	Thành phố Đông Hà	15.030	5.030	10.000
2	Thị xã Quảng Trị	4.899	2.899	2.000
3	Huyện Hải Lăng	6.467	3.467	3.000
4	Huyện Triệu Phong	7.084	3.584	3.500
5	Huyện Gio Linh	4.276	2.776	1.500
6	Huyện Vĩnh Linh	5.714	3.214	2.500
7	Huyện Cam Lộ	3.585	2.585	1.000
8	Huyện Đakrông	2.467	2.467	0
9	Huyện Hướng Hóa	7.578	3.078	4.500
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	Bố trí từ nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu đầu tư huyện mới chia tách 11 tỷ đồng		

Biểu 3:

**BỘ TRÍ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ KẾ HOẠCH NĂM 2010**
(Kèm theo Nghị quyết số 39/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2010	Ghi chú
	TỔNG SỐ		676.000	
A	VỐN TRONG NƯỚC		526.000	
I	KHU KINH TẾ CỬA KHẨU		48.000	
1	Các dự án thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế-Thương mại đặc biệt Lao Bảo làm chủ đầu tư	BQL Khu KTTM đặc biệt Lao Bảo	31.000	Có Quyết định riêng
2	Các dự án thuộc UBND huyện Hướng Hóa làm chủ đầu tư	UBND huyện Hướng Hóa	8.500	Có QĐ riêng (Bao gồm trả nợ HT công trình Tượng đài chiến thắng Khe Sanh)
3	Các dự án do Sở, Ban, ngành làm chủ đầu tư	Các Sở, Ban, ngành	8.500	TT. Kiểm nghiệm hàng hóa: 6,5 tỷ; Xe chữa cháy cho đội PCCC Lao Bảo: 2 tỷ
II	PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG	CC Kiểm lâm	2.000	
III	HẠ TẦNG DU LỊCH		23.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Khu Du lịch sinh thái Rú Lịnh	UBND huyện Vĩnh Linh	2.100	
-	Đường Phú Lệ huyện Hải Lăng (Gđ 1)	UBND huyện Hải Lăng	5.894	
-	Phát triển du lịch bền vững tiểu vùng sông Mê Kông (ADB)	Ban TH DAPT DL Mê Kông	706	Đối ứng: 5.083 triệu
-	Đường Trung tâm Khu Dịch vụ- Du lịch tổng hợp Càng Gián thuộc Khu Dịch vụ- Du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt	BQL các Khu Du lịch	2.500	
-	Đường phía Bắc Khu Dịch vụ- Du lịch tổng hợp Gio Hải thuộc Khu Dịch vụ- Du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt	BQL các Khu Du lịch	2.500	
-	Đường Trung tâm Khu Nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Giang Hải thuộc Khu Dịch vụ- Du lịch	BQL các Khu Du lịch	3.000	

	đọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt			
-	Hệ thống cấp điện bãi 2 Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt	BQL các Khu Du lịch	1.000	
-	Xây dựng tuyến đường dọc khu điều chỉnh khu du lịch Cửa Tùng	BQL các Khu Du lịch	700	
-	Cấp nước thị trấn Cửa Việt	Công ty TNHH MTV CN-XD QTrị	2.600	NS 5.345 triệu đồng.
-	Cầu Xuân Trung	UBND huyện Hải Lăng	1.000	Trả nợ HT
	Chuẩn bị đầu tư và giải phóng mặt bằng	BQL các Khu Du lịch	1.000	
-	Đường bao phía Tây Khu Càng Gián thuộc Khu Dịch vụ- Du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng- Cửa Việt	BQL các Khu Du lịch		
-	Đường bao phía Tây khu Thủy Bạt thuộc Khu Dịch vụ- Du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng- Cửa Việt	BQL các Khu Du lịch		
-	Đường bao phía Tây khu Giang Hải thuộc khu Dịch vụ- Du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt	BQL các Khu Du lịch		
-	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật bãi tắm 2 Khu Du lịch Cửa Tùng	BQL các Khu Du lịch		
-	Cơ sở hạ tầng Khu Du lịch hồ Ái Tử	UBND huyện Triệu Phong		CBĐT: 200 triệu đồng
IV	HẠ TẦNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI CHIA TÁCH		22.000	
1	Cấp huyện		11.000	
a)	Trụ sở cơ quan QLHCNN			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Trụ sở làm việc cơ quan Dân Chính Đảng huyện đảo Côn Cỏ	UBND Huyện đảo Côn Cỏ	8.000	
b)	Hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng thiết yếu tại đảo Côn Cỏ	UBND Huyện đảo Côn Cỏ	3.000	
2	Cấp xã		11.000	
a)	Trụ sở cơ quan quản lý hành chính nhà nước		5.000	
	<i>Dự án hoàn thành</i>			
-	Trụ sở làm việc xã Triệu Thượng, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	1.200	HT
-	Trụ sở làm việc Phường 1 thị xã Quảng Trị	UBND TX. Quảng Trị	2.400	HT

	Dự án khởi công mới			
-	Trụ sở làm việc phường An Đôn, thị xã Quảng Trị	UBND TX. Quảng Trị	1.400	
b)	Hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng thiết yếu		6.000	
	Dự án chuyển tiếp			
-	Trường THCS xã Triệu Thượng, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	2.000	NS tỉnh: 6.300 triệu
-	Trạm Y tế xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	700	HT
-	Trạm Y tế phường 2, thị xã Quảng Trị	UBND TX. Quảng Trị	500	HT
	Dự án khởi công mới			
-	Đường giao thông trục thôn 4 Thạch, thị trấn Cửa Tùng	UBND huyện Vĩnh Linh	2.500	
	Dự án chuẩn bị đầu tư			
-	Đường thị trấn Cửa Việt đi xã Gio Hải	UBND TT. Cửa Việt	100	
-	Bãi rác thị trấn Cửa Tùng	UBND TT. Cửa Tùng	100	
-	Bãi rác thị xã Quảng Trị	UBND TX. Quảng Trị	100	
V	HẠ TẦNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, GIỐNG THỦY SẢN, CÂY TRỒNG VẬT NUÔI VÀ CÂY LÂM NGHIỆP		16.000	
-	Chương trình Phát triển nuôi trồng thủy sản và giống thủy sản	Sở NN-PTNT	8.000	
-	Chương trình Giống cây trồng, vật nuôi	TT giống cây trồng, vật nuôi	8.000	
VI	CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ LẠI DÂN CƯ VÀ ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ		12.000	
1	Chương trình bố trí lại dân cư theo Quyết định 193		5.000	
-	Dự án Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư các xã biên giới Việt- Lào	Chi cục PT nông thôn	3.000	
-	Dự án Tái định cư vùng đồi phía Tây Nam huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	2.000	
2	Các dự án định canh định cư		7.000	
-	Dự án ĐCĐC tập trung vùng La Heng, thôn Cu Dong, xã Húc, huyện Hướng Hóa	Ban Dân tộc	1.500	
-	Dự án ĐCĐC tập trung vùng KaLu, Chân Rò, xã Đakrông, huyện Đakrông	Ban Dân tộc	1.300	

-	Dự án ĐCĐC tập trung vùng Sông Ngân, xã Linh Thượng, huyện Gio Linh	Ban Dân tộc	1.400	
-	Dự án ĐCĐC tập trung vùng PiRao, xã A Ngo, huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	1.500	
-	Dự án ĐCĐC tập trung vùng Cu Vơ, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	1.300	
VII	CHƯƠNG TRÌNH ĐÊ BIỂN		20.000	
-	Nâng cấp đê tả Bến Hải	Sở NN-PTNT	14.000	Bao gồm trả nợ HT
-	Nâng cấp đê Bắc Phước	Sở NN-PTNT	6.000	Bao gồm trả nợ HT
VIII	HẠ TẦNG QUẢN LÝ BẢO VỆ BIÊN GIỚI		10.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Nâng cấp mặt đường Lao Bảo - Hướng Phùng	Bộ CHBP tỉnh	8.500	HT
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	Đường từ trạm kiểm soát Cóc đến mốc R11	Bộ CHBP tỉnh	1.000	
-	Sửa chữa đường Sa Trầm - Pa Tầng	Bộ CHBP tỉnh	500	
IX	CHƯƠNG TRÌNH BIỂN ĐÔNG - HẢI ĐẢO		35.000	QĐ riêng của Thủ tướng Chính phủ
X	ĐẦU TƯ Y TẾ TỈNH, TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG HUYỆN		12.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	Sở Y tế	3.400	
-	Trung tâm Y tế dự phòng Đông Hà	Sở Y tế	6.000	
-	Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS	Sở Y tế	2.000	
-	Hỗ trợ xây dựng các hạng mục phụ trợ BV Điều dưỡng và PHCN Cửa Tùng	BV.ĐDPHCN Cửa Tùng	600	HT
XI	ĐẦU TƯ BẢO TỒN VĂN HÓA		25.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Tiểu dự án nhóm 1: Các hạng mục hạ tầng thuộc Dự án tổng thể Bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Cổ Quảng Trị (Gđ2)	Sở VH-TTDL	13.630	
-	Di tích sân bay Tà Con (Gđ 2)	TT Bảo tồn DT&DT	8.000	HT
-	Thư viện tỉnh	Thư viện tỉnh	2.000	DA tạm dừng theo QĐ 390/QĐ-TTg

-	Đường vào Di tích đình làng Hà Thượng	UBND huyện Gio Linh	370	HT
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	Hệ thống điện chiếu sáng vào Di tích Chính phủ cách mạng LTMNVN	UBND huyện Cam Lộ	1.000	
XII	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRỤ SỞ XÃ	UBND các huyện, TP, TX	5.000	Có Quyết định phân bổ sau
XIII	ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 160		8.000	
1	Huyện Hướng Hóa: 11 xã		5.500	
-	Các xã: Hướng Phùng, Hướng Việt, Hướng Lập, Xy, A Dơi, Pa Tầng, Thanh, Thuận	UBND huyện Hướng Hóa	4.000	
-	Các xã: Tân Thành, Tân Long, TT Lao Bảo	Ban Dân tộc	1.500	
2	Huyện Đakrông: 5 xã		2.500	
-	Các xã: A Bung, Tà Long, A Vao, Ba Nang	UBND huyện Đakrông	2.000	
-	Xã A Ngo	Ban Dân tộc	500	
XIV	ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 39 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ		64.000	
1	Ưu đãi đầu tư		3.000	
2	CSHT đô thị Đông Hà		21.500	
-	Các dự án hạ tầng đô thị Đông Hà	UBND TP. Đông Hà	15.086	
	Dự án chuyển tiếp		10.045	
	Dự án khởi công mới		5.041	
-	Cải thiện Môi trường đô thị miền Trung (Đối ứng ODA)	UBND TP. Đông Hà	6.414	
3	Công nghiệp - Hạ tầng làng nghề		4.700	
	<i>Dự án hoàn thành</i>			
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Nam Đông Hà	BQL XD CSHT tỉnh	700	Trả nợ HT
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	CSHT làng nghề thị trấn Ái Tử	UBND huyện Triệu Phong	1.500	
-	CSHT làng nghề Tân Định	UBND huyện Cam Lộ	1.500	
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	CSHT làng nghề Bắc Hồ Xá	UBND huyện Vĩnh Linh	1.000	Thông báo số 818-TB/TU 31/7/09 của Tỉnh ủy
4	Hạ tầng chợ		4.000	

	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Chợ trung tâm huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	2.000	
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	Chợ trung tâm thị trấn Cửa Việt	UBND huyện Gio linh	1.000	
-	Chợ thị trấn Bến Quan	UBND huyện Vĩnh Linh	1.000	TB số 818-TB/TU 31/7/09 của Tỉnh ủy
5	Nông nghiệp		2.700	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Hệ thống thủy lợi Sa Lung, huyện Vĩnh Linh	Sở NN-PTNT	1.000	NS tỉnh 6.501. HT
-	Trụ sở Ban Quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn	BQL RPH LV sông Thạch Hãn	500	
-	Khai hoang năm 2009 làng Thanh niên lập nghiệp miền Tây Vĩnh Linh	Tỉnh Đoàn	200	NS tỉnh 2.978
-	Đo đạc bản đồ địa chính phục vụ thu hồi đất, giao đất xây dựng làng Thanh niên lập nghiệp Tây Vĩnh Linh giai đoạn 1 năm 2005 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 138 hộ	Tỉnh Đoàn	500	
-	DA làng Thanh niên lập nghiệp Hương Hiệp	Tỉnh Đoàn	500	NS tỉnh 8.905 triệu
6	Giao thông		15.400	
	<i>Dự án hoàn thành</i>			
-	Cầu Bắc Phước	Sở GT-VT	13.400	HT TĐ: trả nợ ngân sách 10 tỷ
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	Đường tránh nhà thờ La Vang	UBND huyện Hải Lăng	1.000	
-	Đường vào xã Vĩnh Lâm	Sở GT-VT	1.000	TB số 629-TB/TU ngày 20/8/2008 của Tỉnh ủy
7	Y tế - Xã hội		1.500	
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	Giảng đường trường Dạy nghề Tổng hợp tỉnh Quảng Trị	Trường TC nghề TH Q. Trị	1.000	
-	Thư viện trường Trung học Y tế Quảng Trị	Trường Trung học Y tế	500	NS: 1527 triệu đối ứng

8	Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao		6.200	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Sân vận động Đông Hà (gđ 2)	Sở VH TT & DL	1.000	
-	Quy hoạch đầu tư và xây dựng Trung tâm Thể dục- thể thao huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	1.000	Hỗ trợ HT
-	Nhà Thi đấu, tập luyện thể thao huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	2.000	TB: 818-TB/TU ngày 31/7/09 của Tỉnh ủy
	<i>Dự án khởi công mới</i>			
-	Nâng cấp cải tạo Trung tâm văn hóa huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	1.000	
-	Nhà Văn hóa thiếu nhi tỉnh	Nhà Văn hóa thiếu nhi tỉnh	1.000	
-	Nhà Văn hóa thiếu nhi huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	200	CBTH
9	An ninh quốc phòng		5.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Nhà ở cán bộ cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	2.000	
-	Công trình CH5-01	Bộ CHQS tỉnh	3.000	
XV	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP		15.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Khu Công nghiệp Nam Đông Hà	BQL các Khu Công nghiệp	10.000	
-	Khu Công nghiệp Quán Ngang	BQL các Khu Công nghiệp	5.000	
XVI	HỖ TRỢ VỐN ĐỐI ỨNG ODA		42.000	
	<i>Dự án hoàn thành</i>			
-	Đường Gio Châu- Dốc Miếu	UBND huyện Gio Linh	2.000	HT
-	Nâng cấp và mở rộng lưới điện hạ thế của huyện Vĩnh Linh và huyện Cam Lộ	Sở Công thương	815	Trả nợ HT NS: 6.408 tr
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			
-	Cấp nước và vệ sinh môi trường tiểu vùng sông Mê Kông (UN-HABITAT)	Cty TNHH MTV CN-XD QTrị	500	NS: 7.400 tr
-	Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp Quảng Trị (ADB)	Sở NN-PTNT	4.000	NS: 27.598 tr

-	Hỗ trợ GPMB chợ Ngã Tư Sông, thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung, tỉnh Quảng Trị	UBND huyện Cam Lộ	490	NS: 2243 tr. Hoàn thành
-	Hỗ trợ GPMB để xây dựng công trình chợ Thuận xã Triệu Đại, thuộc dự án PTNT tổng hợp miền Trung, tỉnh Q.Trị	UBND huyện Triệu Phong	1.500	NS: 1800 tr. Hoàn thành
-	Chống lũ cho vùng trũng Hải Lăng (WB)	Sở NN-PTNT	9.800	NS: 20.621 tr. Hoàn thành
-	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn (ADB)	Sở NN-PTNT	10.406	NS: 66.112 tr
-	Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005, tỉnh Quảng Trị (ADB)	Sở NN-PTNT	1.700	NS: 4222 tr. Hoàn thành
-	Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng tỉnh Quảng Trị (ADB)	Sở Y tế	350	NS: 1.607 tr
-	Cấp nước Việt Pháp	Cty TNHH MTV CN-XD QTrị	686	NS: 786 tr
Dự án khởi công mới				
-	Dự án Chia sẻ II (Thụy Điển)	BQL dự án Chia sẻ tỉnh	6.695	NS: 11.000 tr
-	Cầu Đại Lộc (JICA)	Sở GT-VT	1.500	NS: 18.842 tr
-	Đường liên xã Cam An - Cam Thanh (JICA)	UBND huyện Cam Lộ	1.200	NS: 2785 tr
-	HTKT Phát triển các đô thị hành lang khu vực sông Mê Kông (ADB)	UBND TP. Đông Hà	358	NS: 1139 tr
XVI I	ĐỀ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM VÀ NỘI DUNG SỐ		1.000	
-	Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của cơ quan Nhà nước	VP. UBND tỉnh	300	
-	Phục vụ người dân và doanh nghiệp	Sở KH&ĐT	200	
-	Xây dựng nền tảng phục vụ Chính phủ điện tử	Sở TT-TT	400	
-	Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin	Sở TT-TT	100	
XIIX	KHU TRÁNH TRÚ BÃO TÀU THUYỀN		8.000	
-	Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Việt	Sở NN&PTNT	8.000	

XIX	HỖ TRỢ HUYỆN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT 30A	UBND huyện Đakrông	20.000	Có QĐ riêng
XX	ĐẦU TƯ TRUNG TÂM GIÁO DỤC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI		3.000	
-	Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	Sở LĐ-TB&XH	3.000	
XXI	HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (Quyết định số 167/2008/QĐ-TTG)		5.000	
-	Huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	1.100	
-	Huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	542	
-	Huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	957	
-	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	815	
-	Huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	686	
-	Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	900	
XXII	HỖ TRỢ KHÁC		130.000	
-	Đường vào xã Triệu Thuận	UBND huyện Triệu Phong	12.000	Ý kiến của PTTg. Nguyễn Sinh Hùng
-	Đường Hải Lệ thị xã Quảng Trị	UBND TX. Quảng Trị	12.000	Ý kiến của PTTg. Nguyễn Sinh Hùng
-	Đường hai bên bờ sông Hiếu			
	+ Đường Trần Nguyên Hãn	UBND TP. Đông Hà	10.000	CV số 1421/TTg-KTTH ngày 20/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ
	+ Đường Trần Bình Trọng	BQL XD CSHT tỉnh	3.000	GPMB
	+ Đường Lê Lợi kéo dài	UBND TP. Đông Hà	7.000	GPMB
-	Cầu qua sông Hiếu	Sở GT-VT	10.000	TB số 282/TB-VPCP ngày 09/0/2009 của VPCP về ý kiến kết luận của TTg. Nguyễn Tấn Dũng
-	Đường cơ động ven biển Hải An - Hải Khê	Bộ CHQS tỉnh	10.000	Ý kiến của PTTg. Hoàng Trung Hải

-	Tiểu dự án nhóm 1: Các hạng mục hạ tầng thuộc dự án tổng thể Bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Cổ Quảng Trị (Gđ2)	Sở VH-TT-DL	15.000	TB số 282/TB-VPCP ngày 09/9/2009 của VPCP về Ý kiến kết luận của TTg. Nguyễn Tấn Dũng
-	Quảng trường và Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh	Sở VH-TT-DL	30.000	TB số 272/TB-VPCP ngày 24/9/2008 của VPCP về Ý kiến kết luận của PTTg. Nguyễn Sinh Hùng. TMĐT: 144 tỷ đồng, đã bố trí 104,8 tỷ đồng, bố trí 2010 là 30 tỷ đồng, còn 9,2 tỷ dự phòng chưa bố trí
-	Rà phá bom mìn tỉnh Quảng Trị (Đợt 1)	Bộ CHQS tỉnh	21.000	CV số 2325/VPCP ngày 04/5/2007 về việc Hỗ trợ kinh phí rà, phá bom, mìn tỉnh Quảng Trị
B	VỐN NƯỚC NGOÀI		150.000	
1	Cải thiện môi trường đô thị miền Trung	UBND TP. Đông Hà	5.000	
2	Cấp nước và vệ sinh môi trường tiểu vùng sông Mê Kông (UN-HABITAT)	Cty TNHH MTV CN-XD QTrị	10.000	
3	Cầu Đại Lộc (JICA)	Sở GT-VT	5.000	
4	Dự án Chia sẻ II (Thụy Điển)	BQL dự án Chia sẻ tỉnh	13.500	
5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn (ADB)	Sở NN&PTNT	47.000	
6	Chống lũ cho vùng trũng Hải Lăng (WB)	Sở NN&PTNT	31.000	
7	Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp Quảng Trị (ADB)	Sở NN&PTNT	20.000	
8	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005, tỉnh Quảng Trị (ADB)	Sở NN&PTNT	11.000	
9	Đường liên xã Cam An - Cam Thanh (JICA)	UBND H. Cam Lộ	7.500	

Biểu 4:

BỘ TRÍ KẾ HOẠCH NĂM 2010
NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA,
CHƯƠNG TRÌNH 135, CHƯƠNG TRÌNH 5 TRIỆU HA RỪNG

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên chương trình mục tiêu	Chủ đầu tư	KH năm 2010			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
	Tổng số		190.533	90.241	100.292	
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		127.229	36.500	90.729	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo		19.900	12.000	7.900	
1	Dự án Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.		12.000	12.000		
-	Huyện Hải Lăng (2 xã: Hải An, Hải Khê)	UBND huyện Hải Lăng	2.000	2.000		
-	Huyện Triệu Phong (3 xã: Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng)	UBND huyện Triệu Phong	3.000	3.000		
-	Huyện Vĩnh Linh (4 xã: Vĩnh Thái, Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang)	UBND huyện Vĩnh Linh	4.000	4.000		
-	Huyện Gio Linh (3 xã: Trung Giang, Gio Hải, Gio Việt)	UBND huyện Gio Linh	3.000	3.000		
2	Dự án Khuyến nông- Khuyến lâm- Khuyến ngư và phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề		2.600		2.600	
-	Khuyến nông khuyến lâm	TTKN-KL tỉnh	1.300		1.300	
	+ Trung tâm Khuyến nông- Khuyến lâm	TTKN-KL tỉnh	1.000		1.000	
	+ Hội Làm vườn tỉnh	Hội Làm vườn tỉnh	300		300	
-	Hỗ trợ phát triển SX và ngành nghề	Sở NN-PTNT	1.300		1.300	
3	Dự án Dạy nghề cho người nghèo	Các cơ sở dạy nghề	3.800		3.800	Phân bổ sau
4	Dự án Nâng cao năng lực giảm nghèo	Sở LĐ-TB&XH	600		600	
-	Đào tạo, tập huấn cán bộ giảm nghèo	Sở LĐ-TB&XH	300		300	

-	Hoạt động truyền thông	Sở LĐ-TB&XH	300		300	
5	Trợ giúp pháp lý	TT trợ giúp pháp lý nhà nước	400		400	
6	Hoạt động giám sát đánh giá	BCĐ giảm nghèo tỉnh, huyện	500		500	
II	Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm		2.450	2.000	450	
1	Dự án Hỗ trợ phát triển thị trường lao động		2.200	2.000	200	
-	Trang thiết bị, hệ thống thông tin thị trường lao động	Trung tâm Giới thiệu Việc làm	1.500	1.500		
-	Xây dựng Sàn Giao dịch việc làm và Trung tâm Bồi dưỡng kỹ năng tìm kiếm việc làm	Trung tâm Giới thiệu Việc làm	500	500		
-	Đào tạo nguồn nhân lực lao động	Trung tâm Giới thiệu Việc làm	200		200	
2	Hoạt động nâng cao năng lực quản lý lao động việc làm	Sở LĐ-TB&XH	160		160	
3	Hoạt động giám sát đánh giá	BCĐ Việc làm tỉnh	90		90	
III	Chương trình phòng, chống ma túy	Công an tỉnh	1.200		1.200	
IV	Chương trình phòng, chống tội phạm	Công an tỉnh	820		820	Bao gồm CT 130: 120 triệu đồng
V	Chương trình Dân số - KHHGD		7.119		7.119	
1	Dự án Truyền thông- Giáo dục thay đổi hành vi	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	1.302		1.302	
2	Dự án Nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	1.061		1.061	
3	Dự án Đảm bảo hậu cần và đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	133		133	
4	Dự án Nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	1.665		1.665	

5	Dự án Nâng cao chất lượng thông tin chuyên ngành dân số và kế hoạch hóa gia đình	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	392		392	
6	Dự án Thử nghiệm, mở rộng một số mô hình, giải pháp can thiệp, góp phần nâng cao chất lượng dân số	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	1.125		1.125	
7	Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển đảo, đảo và ven biển	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	1.441		1.441	
-	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	Chi cục Dân số và KHH-GĐ	1.000		1.000	
-	Cục Thống kê	Cục Thống kê	441		441	
VI	Chương trình phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS		9.814	3.000	6.814	
	Hoạt động sự nghiệp		6.814	0	6.814	
1	Dự án Phòng, chống lao	Sở Y tế	277		277	
2	Dự án Phòng, chống phong	Sở Y tế	240		240	
3	Dự án Phòng, chống sốt rét	Sở Y tế	847		847	
4	Dự án Phòng, chống HIV/AIDS	Sở Y tế	1.600		1.600	
5	Dự án Phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em	Sở Y tế	1.250		1.250	
6	Dự án Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng	Sở Y tế	600		600	
7	Dự án Sức khỏe sinh sản	Sở Y tế	725		725	
8	Dự án Tiêm chủng mở rộng	Sở Y tế	335		335	
9	Quân Dân y kết hợp	Sở Y tế	160		160	
10	Dự án Phòng, chống đái tháo đường	Sở Y tế	200		200	
11	Dự án Phòng, chống sốt xuất huyết	Sở Y tế	580		580	
	Đầu tư phát triển		3.000	3.000		
1	Xây dựng Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Quảng Trị	Sở Y tế	3.000	3.000		
VII	Chương trình Văn hóa		9.235	7.000	2.235	
1	Dự án Chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử		8.000	7.000	1.000	

-	Cầu treo Bến Tắt	TT Bảo tồn DT&DT	5.500	5.500		
-	Nhà đày Lao Bảo (Giai đoạn 2)	TT Bảo tồn DT&DT	1.050	1.050		
-	Đình làng Hà Thượng	UBND TT. Gio Linh	450	450		HT
-	Bia di tích các điểm vượt đường mòn Hồ Chí Minh trên đường 9	TT Bảo tồn DT&DT	200		200	
-	Đình làng Câu Nhi, huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	500		500	
-	Hội thảo phương án bảo tồn Khu Di tích Tân Sở, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	50		50	
-	Tôn tạo các di tích lịch sử có nguy cơ bị hủy hoại	UBND huyện Vĩnh Linh	200		200	Hỗ trợ
-	Di tích lịch sử Đội dũng sĩ phùng Sấn, huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	50		50	Hỗ trợ
2	Dự án Sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc Việt Nam	Sở VH-TT&DL	150		150	
3	Dự án Xây dựng xã điển hình triển khai hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	Sở VH-TT&DL	610		610	
4	Dự án Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở vùng sâu, vùng xa	Sở VH-TT&DL	150		150	
5	Dự án Làng, bản, buôn có hoàn cảnh đặc biệt	Sở VH-TT&DL	20		20	
6	Dự án Củng cố và phát triển hệ thống thư viện công cộng	Sở VH-TT&DL	140		140	
7	Dự án Cấp các trang thiết bị và sản phẩm văn hóa thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số, tuyến biên giới và hải đảo	Sở VH-TT&DL	165		165	
VIII	Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm		4.671	3.000	1.671	
	Hoạt động sự nghiệp		1.671		1.671	
1	Dự án Nâng cao quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	564		564	

2	Dự án Thông tin- Giáo dục- Truyền thông bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	300		300	
3	Dự án Tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua đường thực phẩm	Sở Y tế	282		282	
4	Dự án Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thức ăn đường phố	Sở Y tế	150		150	
5	Dự án Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm	Sở NN&PTNT	160		160	
6	Dự án Bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng	Sở Y tế	215		215	
	Đầu tư phát triển		3.000	3.000		
1	Trung tâm Xét nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	3.000	3.000		
IX	Chương trình nước SH và VS.MTNT	TT Nước SH&VS MTNT	11.150	9.500	1.650	Đã bao gồm vốn vay và vốn viện trợ
a)	Vốn đầu tư phát triển		9.500	9.500		
1	Trả nợ KLHT năm 2008		323	323		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Xuân Hòa, Hải Chữ xã Trung Hải, huyện Gio Linh		184	184		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Tân Xuân, Thiện Chánh xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ		139	139		
2	Trả nợ khối lượng năm 2009		4.450	4.450		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Võ Xá xã Trung Sơn, huyện Gio Linh		1.277	1.277		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Tây thôn Sa Nam, huyện Vĩnh Long, Vĩnh Linh		1.720	1.720		
-	Hệ thống cấp nước Hà Lỗ, Hải Tân, huyện Hải Lăng		723	723		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho đội đặc nhiệm bộ đội biên phòng và thôn Làng vây xã Tân Long		730	730		

3	Các công trình xây dựng mới		2.200	2.200		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Nại Hiệp xã Triệu Ái huyện Triệu Phong		500	500		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Cồn Trung xã Cam Chính huyện Cam Lộ		500	500		
-	Hệ thống cấp nước xã Hải Thiện huyện Hải Lăng		700	700		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Làng Thanh niên lập nghiệp Tây Vĩnh Linh		500	500		
4	Sửa chữa các công trình nước sinh hoạt bị hỏng sau cơn bão số 9		2300	2300		Phân bổ sau
5	Chuẩn bị đầu tư 2010		227	227		
b)	Vốn sự nghiệp		1.650		1.650	
-	Các mô hình hố xí hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, truyền thông, tập huấn		650		650	
-	Triển khai thực hiện bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch VSMTNT đến năm 2010		1.000		1.000	
X	Chương trình Giáo dục - Đào tạo		60.870		60.870	
1	Dự án Củng cố phổ cập tiểu học và thực hiện phổ cập THCS	Sở GD-ĐT	1.500		1.500	
2	Dự án Đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa	Sở GD-ĐT	3.500		3.500	
3	Dự án Đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào nhà trường	Sở GD-ĐT	4.800		4.800	
4	Dự án Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục		2.500		2.500	
-	Sở Giáo dục - Đào tạo	Sở GD-ĐT	2.400		2.400	
-	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	Trường CĐSP Quảng Trị	100		100	
5	Dự án Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có nhiều khó khăn.		20.000		20.000	
5.1	Các công trình chuyển tiếp		9.840		9.840	
-	Các dự án do Sở Giáo dục - Đào tạo làm chủ đầu tư	Sở GD-ĐT	7.340		7.340	

-	Các công trình do các đơn vị khác làm chủ đầu tư	UBND các huyện	2.500		2.500	
5.2	Thiết bị và hỗ trợ học phẩm cho học sinh miền núi	Sở GD-ĐT	700		700	
5.3	Hỗ trợ đối ứng kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ giáo viên	Sở GD-ĐT và UBND các huyện	9.140		9.140	
5.4	Hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ dạy và học các trường mầm non	UBND các huyện	320		320	
6	Dự án Tăng cường cơ sở vật chất các trường học, xây dựng một số trường trọng điểm		16.000		16.000	
6.1	Các công trình chuyển tiếp		9.700		9.700	
6.2	Công trình khởi công mới		780		780	
6.3	Hỗ trợ đối ứng kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ giáo viên	UBND các huyện	4.150		4.150	
6.4	Hỗ trợ các huyện, thị xã	UBND các huyện	550		550	
6.5	Hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ dạy và học các trường mầm non	UBND các huyện	820		820	
7	Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề		12.570		12.570	
7.1	Tăng cường năng lực dạy nghề	Các TT Dạy nghề TH	11.070		11.070	
7.2	Hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người tàn tật	Các TT Dạy nghề, TT KTTH-HN	1.500		1.500	
B	CHƯƠNG TRÌNH 135		31.763	22.200	9.563	
1	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng		22.200	22.200		
-	Huyện Gio Linh (02 thôn)	UBND huyện Gio Linh	400	400		
-	Huyện Vĩnh Linh (01 xã, 02 thôn)	UBND huyện Vĩnh Linh	1.400	1400		
-	Huyện Hướng Hoá (11 xã, 05 thôn)	UBND huyện Hướng Hoá	12.000	12.000		

-	Huyện Đakrông (08 xã, 01 thôn)	UBND huyện Đakrông	8.200	8.200		
-	Huyện Cam Lộ (01 thôn)	UBND huyện Cam Lộ	200	200		
2	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế		6.550		6.550	
-	Huyện Gio Linh (02 thôn)	UBND huyện Gio Linh	100		100	
-	Huyện Vĩnh Linh (01 xã, 02 thôn)	UBND huyện Vĩnh Linh	400		400	
-	Huyện Hướng Hoá (11 xã, 05 thôn)	UBND huyện Hướng Hoá	3.550		3.550	
-	Huyện Đakrông (08 xã, 01 thôn)	UBND huyện Đakrông	2450		2.450	
-	Huyện Cam Lộ (01 thôn)	UBND huyện Cam Lộ	50		50	
3	Dự án đào tạo, nâng cao chất lượng cán bộ xã, thôn, bản và cộng đồng	Ban Dân tộc	1.365		1.365	
4	Chính sách hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và trợ giúp pháp lý	UBND các huyện	91		91	
5	Duy tu, bảo dưỡng		1.399		1.399	
	Huyện Gio Linh (02 thôn)	UBND huyện Gio Linh	26		26	
-	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	88		88	
-	Huyện Hướng Hóa	UBND huyện hướng Hóa	756		756	
-	Huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	516		516	
-	Huyện Cam Lộ (01 thôn)	UBND huyện Cam Lộ	13		13	
6	Hỗ trợ kinh phí BCĐ CT 135	BCĐ tỉnh, huyện	158		158	
C	TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG		31.541	31.541		

Ghi chú:

- Danh sách các xã đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2 thực hiện theo Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 và Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Danh sách các thôn đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2 thực hiện theo Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban Dân tộc.

TỔNG HỢP VỐN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ KẾ HOẠCH NĂM 2010
ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ
(Kèm theo Nghị quyết số 39/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Tổng số KH	Quản lý chung	Các huyện thị	Hải Lăng	TX Quảng Trị	Triệu Phong	TP. Đông Hà	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hóa	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cồn Cỏ
	Tổng số	1.030.193	111.814	918.379	103.854	79.068	103.911	222.576	34.909	55.205	119.738	81.033	72.084	46.000
A	NGÂN SÁCH TẬP TRUNG	168.500	14.767	153.733	11.716	6.332	13.661	74.803	6.270	3.504	9.417	18.684	9.347	0
I	TRẢ NỢ VAY KCH KM VÀ GTNT	25.750	6.867	18.883	3.519	1.073	3.348	2.833	1.545	687	1.159	2.318	2.403	0
II	VỐN TỈNH QUẢN LÝ	85.650	7.900	77.750	1.730	360	3.230	56.940	1.140	350	680	12.090	1.230	0
1	Ngân sách tập trung	43.650	7.900	35.750	1.730	360	3.230	21.940	1.140	350	680	5.090	1.230	0
2	Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất	42.000	0	42.000	0	0	0	35.000	0	0	0	7.000	0	0
III	VỐN PHÂN CẤP HUYỆN THỊ QUẢN LÝ	57.100	0	57.100	6.467	4.899	7.084	15.030	3.585	2.467	7.578	4.276	5.714	0
1	Ngân sách tỉnh cân đối	29.100	0	29.100	3.467	2.899	3.584	5030	2.585	2.467	3.078	2.776	3.214	0
2	Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất	28.000	0	28.000	3.000	2.000	3.500	10.000	1.000	0	4.500	1.500	2.500	0
B	TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	676.000	52.056	623.944	83.597	69.956	79.271	128.685	19.741	29.966	82.048	43.161	41.518	46.000
I	VỐN NƯỚC NGOÀI	150.000	0	150.000	48.890	20.388	24.055	12.222	13.390	2.222	4.722	18.222	5.889	0
II	VỐN TRONG NƯỚC	526.000	52.056	473.944	34.707	49.568	55.216	116.463	6.351	27.744	77.326	24.939	35.629	46.000
1	Khu Kinh tế cửa khẩu	48.000	0	48.000	0	0	0	0	0	0	48.000	0	0	0
2	Phòng, chống cháy rừng	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Hạ tầng du lịch	23.000	706	22.294	6.894	0	0	0	0	0	0	12.600	2.800	0
4	Hạ tầng đơn vị hành chính mới chia tách	22.000	0	22.000	0	4.400	3.900	0	0	0	0	100	2.600	11.000
5	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản, cây trồng vật nuôi và cây lâm nghiệp	16.000	16.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chương trình bố trí lại dân cư và định canh định cư	12.000	0	12.000	2.000	0	0	0	0	4.300	4.300	1.400	0	0

TT	Nguồn vốn	Tổng số KH	Quản lý chung	Các huyện thị	Hải Lăng	TX Quảng Trị	Triệu Phong	TP. Đông Hà	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hóa	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cồn Cỏ
7	Chương trình đê biển	20.000	0	20.000	0	0	6.000	0	0	0	0	0	14.000	0
8	Hạ tầng quản lý bảo vệ biên giới	10.000	0	10.000	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0
9	Chương trình Biển đông- Hải đảo	35.000	0	35.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	35.000
10	Đầu tư y tế tỉnh, trung tâm y tế dự phòng huyện	12.000	0	12.000	0	0	0	11.400	0	0	0	0	600	0
11	Đầu tư bảo tồn văn hóa	25.000	0	25.000	0	13.630	0	2.000	1.000	0	8.000	370	0	0
12	Hỗ trợ đầu tư tư sở xã	5.000	5.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Đầu tư thực hiện Quyết định 160	8.000	0	8.000	0	0	0	0	0	2.500	5.500	0	0	0
14	Đầu tư thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị	64.000	6.000	58.000	1.000	500	17.900	27.700	1.700	500	0	2.000	6.700	0
15	Hạ tầng khu công nghiệp	15.000	0	15.000	0	0	0	10.000	0	0	0	5.000	0	0
16	Hỗ trợ vốn đối ứng ODA	42.000	350	41.650	13.713	4.038	6.730	2.363	3.109	444	569	2.569	8.114	0
17	Ứng dụng CNTT trong hoạt động NN, chương trình phát triển phần mềm và nội dung số	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Khu tránh trú bão tàu thuyền	8.000	0	8.000	0	0	8.000	0	0	0	0	0	0	0
19	Hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30A	20.000	0	20.000	0	0	0	0	0	20.000	0	0	0	0
20	Đầu tư Trung tâm Giáo dục- Lao động- xã hội	3.000	0	3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	0	0	0
21	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo	5.000	0	5.000	1.100	0	686	0	542	0	957	900	815	0
22	Hỗ trợ khác	130.000	21.000	109.000	10.000	27.000	12.000	60.000	0	0	0	0	0	0
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC DỰ ÁN LỚN	185.693	44.991	140.702	8.541	2.780	10.979	19.088	8.899	21.736	28.273	19.188	21.219	0
I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	122.389	41.316	81.073	7.593	2780	7.400	18.920	7.829	2.600	6.590	13.061	14.200	0
1	Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo	15.060	3.060	12.000	2.000	0	3.000	0	0	0	0	3.000	4.000	0

TT	Nguồn vốn	Tổng số KH	Quản lý chung	Các huyện thị	Hải Lăng	TX Quảng Trị	Triệu Phong	TP. Đông Hà	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hóa	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cồn Cỏ
2	Chương trình Mục tiêu quốc gia việc làm	2.450	250	2.200	0	0	0	2.200	0	0	0	0	0	0
3	Chương trình Phòng, chống ma túy	1.200	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chương trình Phòng, chống tội phạm	820	820	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chương trình Dân số- Kế hoạch hóa gia đình	7.119	7.119	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chương trình Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/ AIDS	9.814	6.814	3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	0	0	0
7	Chương trình Văn hóa	9.235	1.235	8.000	550	0	0	0	50	200	1.050	3.200	2.950	0
8	Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm	4.671	1.671	3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	0	0	0
9	Chương trình Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	11.150	4.177	6.973	1.423	0	500	0	639	0	730	1.461	2.220	0
10	Chương trình Giáo dục- Đào tạo	60.870	14.970	45.900	3.620	2.780	3.940	10.720	7.140	2.460	4.810	5.400	5.030	0
II	CHƯƠNG TRÌNH 135	31.763	1.614	30.149	0	0	0	0	263	11.166	16.306	526	1.888	0
III	TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG	31.541	2.061	29.480	948	0	3.539	168	807	7.910	5.377	5.601	5.131	0